

**Biểu 1: Phân bổ các loại đất trong năm kế hoạch 2025 của huyện Thuận Bắc**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 810 /QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính					
				Xã Công Hải	Xã Lợi Hải	Xã Phước Chiển	Xã Phước Kháng	Xã Bắc Sơn	Xã Bắc Phong
(1)	(2)	(3)	(6)=(7)+...+(12)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	<b>Tổng diện tích tự nhiên (1+2+3)</b>		<b>32.379,47</b>	<b>7.479,35</b>	<b>6.835,44</b>	<b>4.950,08</b>	<b>4.660,63</b>	<b>6.228,69</b>	<b>2.225,28</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>28.047,18</b>	<b>6.680,48</b>	<b>5.636,35</b>	<b>4.263,20</b>	<b>4.493,97</b>	<b>5.873,68</b>	<b>1.099,50</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.886,49	538,86	1.152,28	13,09	10,12	572,76	599,38
1.1.1	<i>Đất chuyên trồng lúa</i>	<i>LUC</i>	<i>1.577,22</i>	<i>270,98</i>	<i>426,60</i>		<i>8,73</i>	<i>387,49</i>	<i>483,42</i>
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	1.309,27	267,88	725,68	13,09	1,39	185,27	115,96
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	2.580,20	380,89	683,33	203,04	74,48	783,07	455,39
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.093,32	134,28	162,24	461,87	114,35	181,11	39,47
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	8.731,32	538,90	652,74	3.313,60	4.226,08		
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	11.860,23	4.998,88	2.536,75			4.324,60	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	806,26	72,68	393,64	271,60	68,34		
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>132,12</i>	<i>17,98</i>	<i>51,50</i>	<i>47,66</i>	<i>14,98</i>		
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	2,73				0,60	0,97	1,16
1.8	Đất làm muối	LMU	0,33					0,33	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	86,30	15,99	55,37			10,84	4,10
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>3.941,50</b>	<b>778,41</b>	<b>906,27</b>	<b>684,92</b>	<b>151,04</b>	<b>346,39</b>	<b>1.074,47</b>
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	460,97	65,82	120,06	83,19	22,07	98,23	71,60
2.2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	8,86	0,45	6,42	0,34	0,76	0,23	0,66
2.3	Đất quốc phòng	CQP	80,34	7,30	4,25		2,85	52,41	13,53
2.4	Đất an ninh	CAN	25,82	2,67	22,57	0,11	0,16	0,20	0,11
2.5	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	45,77	9,89	19,40	3,31	1,90	5,56	5,71

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính					
				Xã Công Hải	Xã Lợi Hải	Xã Phước Chiến	Xã Phước Kháng	Xã Bắc Sơn	Xã Bắc Phong
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	1,50	0,17	1,04	0,06	0,12		0,11
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	3,04	0,04	1,60	0,86	0,18	0,21	0,15
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	29,32	3,46	11,32	2,39	1,55	5,25	5,35
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	8,28	6,22	2,06				
-	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	3,63		3,38		0,05	0,10	0,10
2.6	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	934,72	425,87	214,81	19,80	6,00	22,21	246,03
-	Đất khu công nghiệp	SKK	407,29		170,80				236,49
-	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	211,34	190,87	13,05			4,00	3,42
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	41,00	9,94	19,51	0,13	0,08	5,22	6,12
-	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	275,09	225,06	11,45	19,67	5,92	12,99	
2.7	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	2.021,66	172,61	437,95	545,98	81,05	99,67	684,40
-	Đất công trình giao thông	DGT	577,64	123,34	215,36	46,31	22,14	56,90	113,59
-	Đất công trình thủy lợi	DTL	842,00	38,91	189,23	498,44	58,26	33,29	23,87
-	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	7,00		7,00				
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	2,00	0,47					1,53
-	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	8,36		8,36				
-	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	575,01	9,30	12,99	0,21	0,19	8,38	543,94
-	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	1,56	0,03	1,13	0,11	0,02		0,27
-	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	2,14	0,19	0,56	0,16		0,25	0,98
-	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	5,95	0,37	3,32	0,75	0,44	0,85	0,22

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính					
				Xã Công Hải	Xã Lợi Hải	Xã Phước Chiến	Xã Phước Kháng	Xã Bắc Sơn	Xã Bắc Phong
2.8	Đất tôn giáo	TON	3,20	1,37	1,22				0,61
2.9	Đất tín ngưỡng	TIN	1,26	0,12	0,06			0,85	0,23
2.10	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	50,83	13,61	10,62	6,61	0,89	6,29	12,81
2.11	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	308,07	78,70	68,91	25,58	35,36	60,74	38,78
	<i>Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá</i>	<i>MNC</i>	<i>22,71</i>	<i>2,13</i>	<i>2,10</i>				<i>18,48</i>
	<i>Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối</i>	<i>SON</i>	<i>285,36</i>	<i>76,57</i>	<i>66,81</i>	<i>25,58</i>	<i>35,36</i>	<i>60,74</i>	<i>20,30</i>
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>390,79</b>	<b>20,46</b>	<b>292,82</b>	<b>1,96</b>	<b>15,62</b>	<b>8,62</b>	<b>51,31</b>
	Trong đó:								
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	80,95	10,84	8,65	1,96	6,63	1,56	51,31
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	309,84	9,62	284,17		8,99	7,06	

**Biểu 2: Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2025 của huyện Thuận Bắc**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 810 /QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính					
				Xã Công Hải	Xã Lợi Hải	Xã Phước Chiến	Xã Phước Kháng	Xã Bắc Sơn	Xã Bắc Phong
(1)	(2)	(3)	(6)=(7)+...+(12)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
<b>I</b>	<b>Tổng diện tích (1+2)</b>		<b>0,11</b>		<b>0,11</b>				
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>							
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>0,11</b>		0,11				
2.1	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	<b>0,11</b>		0,11				
-	Đất công trình giao thông	DGT	<b>0,11</b>		0,11				

**Biểu 3: Kế hoạch thu hồi đất năm 2025 của huyện Thuận Bắc***(Ban hành kèm theo Quyết định số: 810 /QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Đơn vị tính: ha

Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính					
			Xã Công Hải	Xã Lợi Hải	Xã Phước Chiến	Xã Phước Kháng	Xã Bắc Sơn	Xã Bắc Phong
(2)	(3)	(6)=(7)+...+(12)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
<b>Tổng diện tích tự nhiên (1+2+3)</b>		<b>82,49</b>						
<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>82,06</b>	<b>16,42</b>	<b>29,89</b>	<b>5,23</b>		<b>12,48</b>	<b>18,04</b>
Đất trồng lúa	LUA	37,32	5,65	12,28			6,12	13,27
<i>Đất chuyên trồng lúa</i>	<i>LUC</i>	<i>29,03</i>	<i>3,82</i>	<i>5,87</i>			<i>6,12</i>	<i>13,22</i>
<i>Đất trồng lúa còn lại</i>	<i>LUK</i>	<i>8,29</i>	<i>1,83</i>	<i>6,41</i>				<i>0,05</i>
Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	36,11	8,77	15,64	4,43		3,30	3,97
Đất trồng cây lâu năm	CLN	8,14	2,00	1,48	0,80		3,06	0,80
Đất nông nghiệp khác	NKH	0,49		0,49				
<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>0,43</b>	<b>0,06</b>		<b>0,11</b>	<b>0,16</b>	<b>0,10</b>	
Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,06	0,06					
Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	0,27			0,11	0,16		
Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	0,27			0,11	0,16		
Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	0,10					0,10	

**Biểu 4: Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 của huyện Thuận Bắc**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 810 /QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính					
				Xã Công Hải	Xã Lợi Hải	Xã Phước Chiến	Xã Phước Kháng	Xã Bắc Sơn	Xã Bắc Phong
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(10)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp</b>	<b>NNP/PNN</b>	<b>125,28</b>	<b>22,20</b>	<b>41,26</b>	<b>6,23</b>	<b>1,00</b>	<b>20,60</b>	<b>33,99</b>
	<i>Trong đó:</i>								
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	54,00	8,04	14,24	0,30	0,40	7,23	23,79
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	55,95	10,98	23,55	4,83	0,30	8,90	7,39
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	13,00	3,03	2,48	1,10	0,30	4,29	1,80
1.4	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	2,33	0,15	0,99			0,18	1,01
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp</b>								
	<i>Trong đó:</i>								
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	LUA/NNP	24,67	4,00	5,14	2,00	1,00	4,40	8,13
<b>3</b>	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp</b>								
3.1	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	MHT/OTC	0,22	0,22					

**Biểu 5: Danh mục công trình, dự án thực hiện trong năm kế hoạch sử dụng đất 2025**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 810 /QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm						Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số); trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
					Diện tích (ha)	LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
<b>I</b>	<b>Các công trình, dự án đã được xác định trong năm kế hoạch trước và các công trình, dự án theo quy định tại khoản 4 điều 67 Luật Đất đai được tiếp tục thực hiện trong năm kế hoạch</b>											
<b>I.1</b>	<b>Công trình, dự án do Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư:</b>											
<b>a</b>	<b>Đất công trình thủy lợi</b>											
1	Tiểu dự án Phát triển thủy lợi phục vụ nông nghiệp công nghệ cao Thành Sơn-Phước Nhon (Tiểu dự án 1)	0,72	0,72	0,53	0,19					0,19	xã Bắc Phong	Công trình dạng tuyến
2	Tiểu dự án Phát triển thủy lợi phục vụ nông nghiệp công nghệ cao Nhon Hải-Thanh	6,82	6,82	1,84	4,98	1,20			0,46	3,32	Các xã Lợi Hải, Bắc Sơn	Công trình dạng tuyến

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm						Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số); trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
					Diện tích (ha)	LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
	Hải (Tiêu dự án 2)											
<b>I.2</b>	<b>Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư:</b>											
<b>a</b>	<b>Đất công trình giao thông</b>											
3	Dự án Xây dựng đường gom dọc tuyến đường sắt Bắc-Nam	1,30	1,30		1,30	0,50				0,80	Các xã	Công trình dạng tuyến
4	Dự án đường vành đai phía Bắc tỉnh Ninh Thuận( đoạn từ đèo Khánh Nhơn đến Quốc Lộ 1	10,00	10,00	8,88	1,12	1,12					Bắc Sơn, Bắc Phong	Công trình dạng tuyến
<b>b</b>	<b>Đất công trình thủy lợi</b>											
5	Dự án đầu tư hoàn chỉnh kênh đường ống cấp II và kênh cấp III thuộc hệ thống thủy lợi Sông Cái-Tân Mỹ	5,00	5,00		5,00	2,50			0,80	1,70	Các xã Bắc Phong, Lợi Hải, Phước Kháng	Công trình dạng tuyến



STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm						Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số); trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
					Diện tích (ha)	LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
II	Các công trình dự án theo quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất Đai thực hiện trong năm kế hoạch mà chưa có văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất Đai											
<i>a</i>	<b>Đất quốc phòng</b>											
6	Thao trường huấn luyện xã Công Hải	5,00	5,00		5,00					5,00	xã Công Hải	Tờ bản đồ số 28, thửa 1,8,9,14,15,16,21,22
<i>b</i>	<b>Đất an ninh</b>											
7	Trụ sở Công an xã Bắc Sơn	0,20	0,20		0,20					0,20	xã Bắc Sơn	Tờ bản đồ số 20, thửa 13,21
8	Trụ sở Công an xã Công Hải	0,22	0,22		0,22					0,22	Xã Công Hải	Tờ bản đồ số 24.1, thửa 232
9	Trụ sở Công an xã Phước Chiến	0,11	0,11		0,11					0,11	Xã Phước Chiến	Tờ bản đồ số 27, thửa 8
10	Công an xã Phước Kháng	0,16	0,16		0,16					0,16	xã Phước Kháng	Tờ bản đồ số 8, thửa 4,5
<i>c</i>	<b>Đất ở nông thôn</b>											

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm						Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số); trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	
					Diện tích (ha)	LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác			
11	Khu dân cư Gò Sạn xã Bắc Phong	2,70	2,70		2,70	1,30					1,40	Xã Bắc Phong	Tờ bản đồ số 14, thửa 305,349,351 . . . . .
<i>d</i>	<b>Đất công trình giao thông</b>												
12	Nâng cấp, cứng hóa các tuyến đường khu TTHC huyện	0,35	0,35		0,35	0,13					0,22	Xã Lợi Hải	Tờ bản đồ số 40-1 xã Lợi Hải
13	Cải tạo nút giao Quốc lộ 1A tại lý trình Km1537+150,0	0,08	0,08		0,08	0,03					0,05	Xã Lợi Hải	Công trình dạng tuyến
14	Đường D2 nối dài đến Khu công nghiệp Du Long	6,24	6,24	5,78	0,46	0,11					0,35	Xã Lợi Hải	Công trình dạng tuyến
<i>e</i>	<b>Đất công trình cấp nước, thoát nước</b>												
15	Nhà máy cấp nước Lợi Hải	7,00	7,00		7,00	5,28					1,72	Xã Lợi Hải	Tờ bản đồ số 21; thửa 203,204,206,207,208, 209,211,225,236,238 . . .
<i>f</i>	<b>Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng</b>												
16	Nhà máy điện gió Hanbaram (16,50 ha)	16,50	6,90	4,44	2,46	2,46						Các xã Bắc Phong, Lợi Hải	Công trình dạng tuyến
17	Nhà máy điện gió Công Hải	6,00	1,31		1,31	0,87					0,44	Xã	Công trình dạng tuyến

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm						Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số); trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
					Diện tích (ha)	LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
											Công Hải	
18	Cải tạo nâng cấp tiết diện đường dây 110kV Đa Nhim-Trạm 220kV Tháp Chàm	0,11	0,11		0,11						Xã Bắc Phong	Công trình dạng tuyến
19	Cải tạo nâng cấp tiết diện đường dây 110kV-Trạm 220kV Tháp Chàm-Ninh Hải	0,46	0,46	0,31	0,15	0,15					Các xã Lợi Hải, Bắc Phong, Bắc Sơn	Công trình dạng tuyến
20	Nhà máy Điện gió Đầm Nại 3	7,19	7,19		7,19	7,19					Các xã Bắc Phong, Bắc Sơn	Công trình dạng tuyến
21	Nhà máy Điện gió Đầm Nại 4	7,46	7,46		7,46	7,46					Các xã Bắc Phong, Bắc Sơn	Công trình dạng tuyến
<i>g</i>	<i>Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối</i>											
22	Chợ Bình Nghĩa	0,28	0,28		0,28						Xã Bắc Sơn	Tờ bản đồ số 29; thửa đất số 617; 621
<b>III</b>	<b>Các công trình, dự án theo nhu cầu sử dụng đất không</b>											

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm						Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số); trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
					Diện tích (ha)	LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
	thuộc quy định tại mục I, mục II biểu này và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 điều 116 Luật Đất đai dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch											
<b>III.</b>	<b>Công trình chuyển tiếp năm 2024 sang năm 2025</b>											
<i>a</i>	<b>Đất nông nghiệp</b>											
23	Cho thuê đất Nông nghiệp vượt hạn mức sử dụng đất	6,00	6,00		6,00					6,00	Các xã	
<i>b</i>	<b>Đất ở tại nông thôn</b>											
24	Giao đất dự án Di dân, tái định cư vùng sạt lở núi đá lăn xã Phước Kháng (bổ sung)	8,02	8,02	8,02							Xã Phước Kháng	Khu vực chưa đo vẽ trên bản đồ địa chính
25	Đấu giá Khu tái định cư thuộc dự án Khu du lịch Bình Tiên PLM-1: 44 lô	0,46	0,46		0,46					0,46	Xã Công Hải	Khu vực chưa đo vẽ trên bản đồ địa chính
26	Đấu giá Khu dân cư Bình Nghĩa (đất ở)-51 Lô	1,00	1,00		1,00					1,00	Xã Bắc Sơn	Tờ bản đồ số 29-3, thửa 624,625,631, 633,641,642,648
27	Đấu giá 03 lô đất ở khu tái định cư thuộc dự án Khu du	0,03	0,03		0,03					0,03	Xã Công	Khu vực chưa đo vẽ trên bản đồ địa chính

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm						Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số); trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
					Diện tích (ha)	LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
	lịch Bình Tiên										Hải	
28	Giao, cho thuê, đấu giá, phân lô diện tích đất do UBND xã quản lý	5,17	5,17		5,17					5,17	Các xã Công Hải, Lợi Hải, Bắc Sơn, Bắc Phong	Các xã Công Hải, Lợi Hải, Bắc Sơn, Bắc Phong
29	Giao đất dự án "Đầu tư hạ tầng cấp đất ở và xây dựng nhà ở cho người dân thôn Xóm Bằng, xã Bắc Sơn"	8,00	8,00		8,00					8,00	Xã Bắc Sơn	Tờ bản đồ số 20, thửa 2,3,4,5,6,9,10,12,13,14
<i>c</i>	<b>Đất an ninh</b>											
30	Thực hiện thủ tục đất đai công an xã Lợi Hải	0,13	0,13		0,13					0,13	Xã Lợi Hải	Tờ bản đồ số 40.1; thửa 413
<i>d</i>	<b>Đất thương mại dịch vụ</b>											
31	Khu du lịch Natural Paradise Ninh Thuận	4,70	4,70		4,70	3,50				1,20	Xã Công Hải	Tờ bản đồ số 8, thửa 41,44,45,46,62,63
32	Khu du lịch sinh thái cộng đồng Núi Chúa	5,70	5,70		5,70					5,70	Xã Bắc Sơn	Tờ bản đồ số 9, thửa 28,29,30,31,32,33,34

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm						Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số); trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
					Diện tích (ha)	LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
<i>e</i>	<b>Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp</b>											
33	Nhà xưởng gia công cơ khí Nam Thuận Bắc	6,18	6,18		6,18					6,18	Xã Lợi Hải	Tờ bản đồ số 54,55; thửa 1,2,3,5,8,33, 34,35,56
34	Khu chế biến mỏ đá An Hưng	2,06	2,06		2,06					2,06	Xã Công Hải	Tờ bản đồ số 13, thửa 274, 275, 439, 441; tờ bản đồ số 12, thửa đất số 1,2,3
35	Đầu giá Khu đất lò sấy thuốc lá thôn Bà Râu	0,22	0,22		0,22					0,22	Xã Lợi Hải	Tờ bản đồ số 33.2; thửa 12,38,39
<i>f</i>	<b>Đất công trình giao thông</b>											
36	Đường gom dân sinh dọc theo tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam đoạn qua địa bàn tỉnh Ninh Thuận	1,45	1,45		1,45					1,45	Các xã	Công trình dạng tuyến

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm						Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số); trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	
					Diện tích (ha)	LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác			
37	Giao đất đường bộ cao tốc Bắc-Nam	151,59	151,59		151,59	37,91		16,72			96,96	Các xã Phước Chiến, Công Hải, Lợi Hải, Bắc Phong	Công trình dạng tuyến
38	Dự án phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn xã Phước Chiến	1,00	1,00		1,00						1,00	Xã Phước Chiến	Công trình dạng tuyến
39	Giao đất hạ tầng khu dân cư Bình Tiên	0,79	0,79		0,79						0,79	Xã Công Hải	Khu vực chưa đo vẽ trên bản đồ địa chính
<b>g</b>	<b>Đất công trình thủy lợi</b>												
40	Thực hiện thủ tục đất đai Thu trữ nước dưới đất để phát triển nông lâm nghiệp nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh bền vững trên vùng đất khô hạn ven biển trên địa bàn huyện Thuận Bắc	11,25	11,25		11,25	0,20					11,05	Xã Bắc Sơn	Công trình dạng tuyến

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm						Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số); trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	
					Diện tích (ha)	LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác			
41	Thực hiện thủ tục đất đai Hồ chứa nước Kiền Kiền (giai đoạn 1)	86,85	86,85		86,85	7,96	12,34				66,55	Các xã Xã Lợi Hải, Bắc Sơn	Công trình dạng tuyến
42	Cải tạo nâng cấp đập dâng Bà Rọ	0,50	0,50		0,50						0,50	Xã Bắc Sơn	Tờ bản đồ số 23; thửa 134,191
43	Hệ thống chuyển nước Kênh Tân Mỹ-Hồ Bà Râu-Hồ Sông Trâu	20,27	20,27		20,27	5,70					14,57	Huyện Thuận Bắc	Công trình dạng tuyến
44	Cải tạo nâng cấp đập dâng Tà Cú	0,28	0,28		0,28						0,28	Xã Bắc Sơn	Tờ bản đồ số 32; thửa 60,61
<i>h</i>	<b>Đất công trình xử lý chất thải</b>												
45	Đầu tư nâng cấp Nhà máy xử lý rác thải sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh kết hợp công nghệ đốt (Bãi rác Nam Thành)	2,70	2,70		2,70						2,7	Xã Lợi Hải	Tờ bản đồ số 51 thửa 544, 547, 605, 606, 607, tờ bản đồ số 52 thửa 18, tờ bản đồ số 54 thửa 1 )
<i>i</i>	<b>Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng</b>												
46	Cho thuê đất kinh doanh cột ăng ten di động mạng điện thoại Vinaphone	0,05	0,05		0,05						0,05	Xã Lợi Hải	Tờ bản đồ số 22; thửa 191



STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm						Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số); trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	
					Diện tích (ha)	LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác			
47	Đường dây 110 kV TBA 220 kV Tháp Chàm - Ninh Phước	0,08	0,08		0,08	0,07					0,01	Xã Bắc Phong	Công trình dạng tuyến
48	Thực hiện thủ tục đất đai Đường dây 220kV Nha Trang-Tháp Chàm	1,70	1,70		1,70	0,015		1,685				Các xã Phước Chiến, Phước Kháng, Lợi Hải	Công trình dạng tuyến
<b>III.</b>	<b>Công trình đăng ký mới</b>												
<b>2</b>	<b>năm 2025</b>												
<b>a</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>												
49	Chuyển mục đích đất lúa sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	24,67	24,67		24,67	24,67						Huyện Thuận Bắc	
<b>b</b>	<b>Đất ở tại nông thôn</b>												
50	Mặt bằng phân lô đất ở xen kẽ trong khu dân cư thôn Cà Rôm xã Công Hải	0,32	0,32		0,32						0,32	Xã Công Hải	Tờ bản đồ địa chính 17.4 thửa đất số 118
<b>c</b>	<b>Đất công trình thủy lợi</b>												
51	Giao đất xây dựng Kè chống sạt lở bảo vệ khu dân cư thôn Bà Râu, huyện Thuận Bắc	2,79	2,79	2,79								Xã Lợi Hải	Công trình dạng tuyến

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm						Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số); trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã
					Diện tích (ha)	LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác		
52	Giao đất dự án Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ	20,00	20,00	20,00							Huyện Thuận Bắc	Công trình dạng tuyến
<i>d</i>	<b>Đất công trình cấp nước, thoát nước</b>											
53	Giao đất hệ thống cấp nước sinh hoạt nông thôn	0,16	0,16	0,16							Xã Bắc Phong	Công trình dạng tuyến
<i>e</i>	<b>Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên</b>											
54	Tượng đài "Chiến Thắng Ninh Thuận mùa Xuân 1975"	7,50	0,47		0,47	0,45				0,02	Xã Công Hải	Tờ bản đồ số 8, thửa 37,57,58 . .
<i>f</i>	<b>Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng</b>											
55	Trạm biến áp 110kV KCN Du Long và đường dây đầu nối	0,5	0,5		0,5					0,5	Các xã Lợi Hải, Bắc Phong	Công trình dạng tuyến, khu vực chưa đo vẽ trên bản đồ địa chính
56	Cho thuê đất công trình đường dây 220kv nhà máy điện Vĩnh Tân- Tháp Chàm	0,13	0,13		0,13	0,01				0,12	Xã Bắc Phong	Công trình dạng tuyến

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm						Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số); trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên nền bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	
					Diện tích (ha)	LUA	RDD	RPH	RSX	Đất khác			
57	Cho thuê đất công trình trạm biến áp 220kv Tháp Chàm và các đường dây đầu nối	4,15	4,15		4,15	1,85					2,3	Xã Bắc Phong	Công trình dạng tuyến
<b>g</b>	<b>Đất tôn giáo</b>												
58	Giao đất cho chùa Long Cát xã Công Hải	0,28	0,28	0,28								Xã Công Hải	Tờ bản đồ địa chính số 24 thửa đất số 478.

**Biểu 6: Danh mục các công trình dự án sau 02 năm liên tục được xác định trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện chưa hoàn thành công tác thu hồi đất hoặc chưa được phép chuyển mục đích được đăng ký chuyển tiếp vào kế hoạch sử dụng đất năm 2025.**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 810 /QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm đến cấp xã	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Trụ sở Công an xã Bắc Sơn	0,20	Xã Bắc Sơn	Thực hiện thủ tục đất đai
2	Trụ sở Công an xã Công Hải	0,22	Xã Công Hải	Thực hiện thủ tục đất đai
3	Trụ sở Công an xã Phước Chiến	0,11	Xã Phước Chiến	Thực hiện thủ tục đất đai
4	Công an xã Phước Kháng	0,16	Xã Phước Kháng	Thực hiện thủ tục đất đai
5	Thao trường huấn luyện xã Công Hải	5,00	Xã Công Hải	Đang thực hiện thu hồi đất
6	Nâng cấp, cứng hóa các tuyến đường khu TTHC huyện	1,20	Xã Lợi Hải	Đang thực hiện thu hồi đất
7	Dự án đầu tư hoàn chỉnh kênh đường ống cấp II và kênh cấp III thuộc hệ thống thủy lợi Sông Cái-Tân Mỹ	5,00	Xã Bắc Phong, Lợi Hải, Phước Kháng	Đang thực hiện thu hồi đất
8	Hệ thống chuyên nước Kênh Tân Mỹ-Hồ Bà Râu-Hồ Sông Trâu	20,27	Huyện Thuận Bắc	Đang thực hiện thu hồi đất
9	Nhà máy cấp nước Lợi Hải	7,00	Xã Lợi Hải	Đang thực hiện thu hồi đất
10	Dự án phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn xã Phước Chiến	1,00	Xã Phước Chiến	Thực hiện thủ tục đất đai
11	Cải tạo nâng cấp đập dâng Bà Rợ	0,50	Xã Bắc Sơn	Đang thực hiện thu hồi đất
12	Cải tạo nâng cấp đập dâng Tà Cú	0,28	Xã Bắc Sơn	Đang thực hiện thu hồi đất
13	Cải tạo nâng cấp tiết diện đường dây 110kV Đa Nhim-Trạm 220kV Tháp Chàm	0,11	Xã Bắc Phong	Đang thực hiện thu hồi đất
14	Công trình Trạm 110kV Khu công nghiệp Du Long và đường dây đấu nối	0,50	Xã Lợi Hải, Bắc Phong	Đang thực hiện thu hồi đất
15	Đầu tư nâng cấp Nhà máy xử lý rác thải sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh kết hợp công nghệ đốt	2,70	Xã Lợi Hải	Đang lập hồ sơ thuê đất
16	Khu du lịch Natural Paradise Ninh Thuận	4,70	Xã Công Hải	Thực hiện thủ tục đất đai

<b>STT</b>	<b>Tên công trình, dự án</b>	<b>Diện tích (ha)</b>	<b>Địa điểm đến cấp xã</b>	<b>Ghi chú</b>
17	Khu du lịch sinh thái cộng đồng Núi Chúa	5,70	Xã Bắc Sơn	Thực hiện thủ tục đất đai
18	Nhà xưởng gia công cơ khí Nam Thuận Bắc	6,18	Xã Lợi Hải	Thực hiện thủ tục đất đai
19	Khu chế biến mỏ đá An Hưng	2,06	Xã Công Hải	Thực hiện thủ tục đất đai
20	Đấu giá Khu tái định cư thuộc dự án Khu du lịch Bình Tiên PLM-1: 44 lô	0,46	Xã Công Hải	Đang thực hiện công tác đấu giá
21	Đấu giá Khu đất lò sấy thuốc lá thôn Bà Râu	0,22	Xã Lợi Hải	Đang thực hiện công tác đấu giá
22	Đấu giá Khu dân cư Bình Nghĩa (đất ở)-51 Lô	1,00	Xã Bắc Sơn	Đang thực hiện công tác đấu giá
23	Đấu giá 03 lô đất ở khu tái định cư thuộc dự án Khu du lịch Bình Tiên	0,03	Xã Công Hải	Đang thực hiện công tác đấu giá
24	Giao, cho thuê, đấu giá, phân lô diện tích đất do UBND xã quản lý	5,17	Xã Công Hải, Lợi Hải, Bắc Sơn, Bắc Phong	Đang thực hiện công tác quy hoạch phân lô chi tiết

**Biểu 7: Danh mục các công trình dự án sau 02 năm liên tục được xác định trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện chưa hoàn thành công tác thu hồi đất hoặc chưa được phép chuyển mục đích đề xuất loại bỏ không đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2025.**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số:810/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Địa điểm đến cấp xã	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Gia cố mái kè thoát lũ đập Bầu Cồng, thôn Bình Nghĩa	0,50	xã Bắc Sơn	Chưa bố trí được nguồn vốn
2	Cải tạo nâng tiết diện đường dây 110Kv Đa Nhim-Trạm 220Kv Tháp Chàm-Ninh Hải	0,65	Xã Bắc Phong	Chưa có NQ thu hồi đất của HĐND tỉnh
3	Trung tâm điều hành xe Bus	0,03	Xã Công Hải	Chủ đầu tư đã dừng tuyến xe Bus
4	Kè chống sạt lở thôn Suối Giếng	1,16	Xã Công Hải	Chưa bố trí được nguồn vốn
5	Cải tạo nâng cấp tiết diện đường dây 110kV-Trạm 220kV Tháp Chàm-Ninh Hải	0,11	Xã Lợi Hải, Bắc Phong, Bắc Sơn	Chưa có NQ thu hồi đất của HĐND tỉnh
6	Khu di tích lịch sử Khu tập trung Bà Râu	0,04	xã Lợi Hải	Chưa có NQ thu hồi đất của HĐND tỉnh
7	Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe	2,48	xã Lợi Hải	Chủ đầu tư không liên hệ thực hiện dự án
8	Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung an toàn thực phẩm	0,37	xã Lợi Hải	Không có nhà đầu tư liên hệ thực hiện

<b>STT</b>	<b>Tên công trình, dự án</b>	<b>Diện tích (ha)</b>	<b>Địa điểm đến cấp xã</b>	<b>Ghi chú</b>
9	Đất san lấp Bà Râu (vị trí số 1)	4,31	xã Lợi Hải	Chưa có NQ thu hồi đất của HĐND tỉnh
10	Đất san lấp Bà Râu (vị trí số 2)	4,09	xã Lợi Hải	Chưa có NQ thu hồi đất của HĐND tỉnh
11	Đấu giá Khu đất dọc đường D2 (TM4): 12 lô	0,63	Xã Lợi Hải	Không có trong kế hoạch đấu giá
12	Đấu giá Khu OC3 (12 lô còn lại)	0,16	xã Lợi Hải	Không có trong kế hoạch đấu giá